

Số: 11 / BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 7 tháng 7 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT
TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA CỰU SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020**

Kính gửi: Hiệu trưởng

Thực hiện Công văn số 86/BGDĐT-HTĐTCUNL ngày 17/12/2020 của Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực-Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm;

Căn cứ Kế hoạch số 2/KH-QLCL ngày 2/4/2021 của Phòng Quản lý chất lượng về việc khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp, năm 2021, đã được Hiệu trưởng phê duyệt;

Phòng Quản lý chất lượng báo cáo kết quả như sau:

1. Mục đích

- Tìm hiểu tình hình việc làm của sinh viên (SV) được đào tạo tại Trường sau khi tốt nghiệp từ 7-12 tháng; Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên sau tốt nghiệp;
- Biết được chất lượng sinh viên do Trường đào tạo sau tốt nghiệp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu việc làm của nhà tuyển dụng.
- Có cơ sở dữ liệu báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo cuối năm, công khai các điều kiện ĐBCLGD, có số liệu báo cáo công tác tuyển sinh của Trường, phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp CSGD và CTĐT.
- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Yêu cầu

Thông tin phản hồi thu được từ cựu SV được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

3. Thời gian khảo sát

Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2021.

4. Phạm vi khảo sát

- Sinh viên tốt nghiệp sau 7-12 tháng của 35 chuyên ngành đào tạo thuộc 8 Khoa trong Trường, gồm: Khoa Y Dược, Nông Lâm nghiệp, Kinh tế, Sư phạm, Lý luận Chính trị, Ngoại ngữ, Chăn nuôi TY và Khoa KHTN-CN.
- Thông tin chính cần thu thập: Tình trạng việc làm; nơi làm việc, khu vực làm việc, làm đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo hay không; thu nhập trung bình (TB) hàng tháng; sự hài lòng với khóa học; góp ý đề xuất liên quan đến khóa học và CTĐT.

5. Phương pháp thực hiện

- Mẫu khảo sát: Cựu sinh viên đại học chính quy, tốt nghiệp năm 2020.
- Phòng vẫn trực tiếp những cựu sinh viên đã tốt nghiệp bằng điện thoại.

- Trong quá trình phỏng vấn, ghi ngay thông tin kết quả vào phiếu khảo sát.
- Nhập, lưu trữ và xử lý dữ liệu khảo sát bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.
- Viết báo cáo kết quả sau khi xử lý dữ liệu.

6. Thuận lợi và khó khăn

+ Thuận lợi:

- Được tạo điều kiện của Lãnh đạo Trường, các đơn vị và Phòng QLCL.
- Được sự tham gia nhiệt tình của cán bộ trong Phòng, sự hỗ trợ của các đơn vị liên quan trong Trường.
- Sự cung cấp thông tin nhiệt tình, trung thực, thẳng thắn của các cựu sinh viên.

+ Khó khăn:

- Một số cựu sinh viên đổi số điện thoại nên chưa liên lạc trực tiếp được. Một số cựu sinh viên không nghe máy và cũng không gọi lại. Vài em SV trả lời điện thoại với thái độ khiếm nhã.
- Tình hình dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến khả năng tìm việc làm của cựu SV.
- Quá trình khảo sát, nhập, xử lý dữ liệu và viết báo cáo tốn khá nhiều thời gian.

7. Kết quả khảo sát

- Số lượng và thành phần cựu SV đã khảo sát

Đã khảo sát được 1288 cựu sinh viên (gồm 440 nam, 848 nữ, và 138 cựu SV người đồng bào dân tộc thiểu số) của 8 Khoa với 35 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học. Kết quả tình hình việc làm chung của cựu SV các Khoa trong toàn Trường như sau:

Bảng 7.1: Tình hình việc làm của cựu SV các Khoa trong Trường

STT	Khoa	Số ngành được khảo sát	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	CN TY	2	99	84 84.8%	15 15.2%	82 97.6%	2 2.4%	6.1	83 98.8%
2	Ngoại ngữ	2	71	54 76.1%	17 23.9%	47 87.0%	7 13.0%	5.7	54 100%
3	Sư phạm	6	139	105 75.5%	34 24.5%	81 77.1%	24 22.9%	5.0	103 98.1%
4	KHTN -CN	8	152	110 72.4%	42 27.6%	79 71.8%	31 28.2%	5.5	109 99.1%
5	Y Dược	3	384	275 71.6%	109 28.4%	270 98.2%	5 1.8%	5.0	272 98.9%
6	Kinh tế	6	272	193 71.0%	79 29.0%	137 71.0%	56 29.0%	5.7	193 100%
7	Nông Lâm	6	140	95 67.9%	45 32.1%	62 65.3%	33 34.7%	5.3	93 97.9%
8	L luận CT	2	31	19 61.3%	12 38.7%	3 15.8%	16 84.2%	5.5	18 94.7%
TỔNG / TB		35	1288	935 72.6%	353 27.4%	761 73.0%	174 27.0%	5.5	925 98.9%

Kết quả Bảng trên cho thấy:

Khoa CNTT có số cựu SV đã đi làm chiếm tỷ lệ cao nhất, đạt 84.8%; làm đúng chuyên môn là 97.6%; thu nhập TB 6.1 triệu đồng/tháng; số cựu SV hài lòng với khóa học là 98.8%.

Khoa Ngoại ngữ có số cựu SV đã đi làm xếp thứ hai, đạt 76.1%; làm đúng chuyên môn là 87.0%; thu nhập TB 5.7 triệu đồng/tháng; số cựu SV hài lòng với khóa học là 100%.

Khoa Sư phạm có số cựu SV đã đi làm xếp thứ ba, đạt 75.5%; làm đúng chuyên môn là 77.1%; thu nhập TB 5.0 triệu đồng/tháng; số cựu SV hài lòng với khóa học là 98.1%.

Trung bình các ngành, các Khoa trong toàn Trường có số cựu SV đã đi làm đạt 72.6%; làm đúng chuyên môn là 73.0%; thu nhập TB 5.5 triệu đồng/tháng; Số cựu SV hài lòng với khóa học là 98.9%.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành trong toàn Trường như sau:

Bảng 7.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên các ngành trong toàn Trường

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	294	31.4
2	Tư nhân	594	63.5
3	Tự tạo việc làm	29	3.2
4	Có yếu tố nước ngoài	18	1.9
TỔNG		935	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu SV đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 31.4%; Làm khu vực Tư nhân chiếm 63.5%; Số cựu SV tự tạo việc làm là 3.2%; Số cựu SV làm việc khu vực có yếu tố nước ngoài chiếm 1.9%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành trong toàn Trường như sau:

Bảng 7.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên các ngành trong toàn Trường

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	589	63.0
2.	Hồ Chí Minh	89	9.5
3.	Đắk Nông	41	4.4
4.	Gia Lai	35	3.7
5.	Khánh Hòa	30	3.2
6.	Bình Dương	24	2.6
7.	Lâm Đồng	21	2.2
8.	Đồng Nai	15	1.6
9.	Bình Phước	13	1.4
10.	Kon Tum	8	0.9
11.	Hà Nội	8	0.9
12.	Phú Yên	7	0.7
13.	Bình Định	7	0.7
14.	Ninh Thuận	7	0.7
15.	Vũng Tàu	6	0.6
16.	Quảng Nam	4	0.4

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
17.	Quảng Ngãi	4	0.4
18.	Đà Nẵng	3	0.3
19.	Long An	2	0.2
20.	Huế	1	0.1
21.	Thanh Hóa	1	0.1
22.	Bình Thuận	1	0.1
23.	Đồng Tháp	1	0.1
24.	Lào Cai	1	0.1
25.	Vĩnh Phúc	1	0.1
26.	Nghệ An	1	0.1
27.	Ha Tĩnh	1	0.1
28.	Nước ngoài (Cam-Pu-Chia, Nhật, Israel)	14	1.5
TỔNG		935	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu SV đã đi làm ở Đắk Lắk chiếm tỷ lệ cao nhất, đạt 63.0%; số cựu SV làm việc ở TP. Hồ Chí Minh chiếm 9.5%; một số cựu SV làm việc ở khu vực Tây Nguyên, các tỉnh miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Số cựu SV làm việc ở nước ngoài là 1.5%.

- Cựu SV đã học được kiến thức từ CTĐT các ngành

Số cựu sinh viên đã học được kiến thức từ CTĐT các ngành như sau:

Bảng 7.4: Ý kiến của cựu SV về việc đã học được kiến thức từ CTĐT các ngành

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đã học được kiến thức từ CTĐT 70-90%	291	31.1
2	Chỉ học được một phần	0	0.0
3	Không học được gì	0	0.0
4	Không ý kiến	644	68.9
TỔNG		935	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu SV đã học được kiến thức từ CTĐT các ngành khoảng 70-90% chiếm 33.1%; số cựu SV chỉ học được một phần và không học được gì từ CTĐT là 0.0%; số cựu SV không ý kiến là 68.9%.

- Góp ý, đề xuất của cựu sinh viên

Có 19.4% số cựu SV góp ý, đề xuất về CTĐT các ngành của Trường như sau:

- + Giảm bớt lý thuyết, tăng thực hành, thực tập, thực tế cho sinh viên.
- + Cần cập nhật thêm kiến thức về các chuyên ngành đào tạo.
- + Đầu tư thêm máy móc, thiết bị phòng học, phòng thực hành.
- + Bổ sung thêm nhiều tài liệu học tập, nâng cấp Thư viện hiện đại hơn.
- + Nên có các dịch vụ hỗ trợ hướng nghiệp, dạy nhiều kỹ năng mềm cho SV.

- Tình hình việc làm của cựu sinh viên các ngành xếp theo Khoa như sau:

7.1. Khoa Y Dược

Khoa Y Dược đào tạo 3 ngành là Y đa khoa hệ tập trung 6 năm, Cử nhân Điều dưỡng 4 năm và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học 4 năm. Tình hình việc làm của cựu SV các ngành như sau:

Bảng 7.1.1: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Y Dược

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	Xét nghiệm	10	8 80%	2 20%	7 87.5%	1 12.5%	3.8	8 100%
2	Y Đa khoa	350	251 71.7%	99 28.3%	249 99.2%	2 0.8%	5.5	248 98.8%
3	Điều dưỡng	24	16 66.7%	8 33.3%	14 87.5%	2 12.5%	5.8	16 100%
TỔNG / TB		384	275 71.6%	109 28.4%	270 98.2%	5 1.8%	5.0	272 98.9%

Kết quả Bảng trên cho thấy:

Ngành xét nghiệm có số cựu SV đã đi làm cao nhất, đạt 80%; Ngành Y đa khoa có số cựu SV đã đi làm là 71.7%; Ngành Điều dưỡng có số cựu SV đi làm là 66.7%.

Trung bình các ngành có 71.6% số cựu SV đã đi làm; làm đúng chuyên môn là 98.2%; thu nhập TB 5.0 triệu đồng/tháng. Số cựu SV hài lòng với khóa học là 98.9%.

Ghi chú: Ngành Y đa khoa: Có 22.9% số cựu SV đang học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Ngành Điều dưỡng: Có 16.7% số cựu SV đang học tiếp. Ngành Xét nghiệm: Có 30% số cựu SV đang học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Có 01 cựu SV ngành Y đa khoa đang làm tư nhân tại Hà Nội có thu nhập TB là 40 triệu đồng/tháng.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành Khoa Y Dược như sau:

Bảng 7.1.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên Khoa Y Dược

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	206	74.9
2	Tư nhân	69	25.1
3	Tự tạo việc làm	0	0.0
4	Có yếu tố nước ngoài	0	0.0
TỔNG		275	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu SV đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 74.9%; Làm Tư nhân chiếm 25.1%; Số cựu SV tự tạo việc làm và làm việc khu vực có yếu tố nước ngoài là 0.0%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành Khoa Y Dược như sau:

Bảng 7.1.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên Khoa Y Dược

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	98	35.6
2.	Hồ Chí Minh	38	13.8
3.	Khánh Hòa	26	9.5
4.	Gia Lai	22	8.0
5.	Đắk Nông	12	4.4
6.	Lâm Đồng	12	4.4
7.	Bình Phước	8	2.9
8.	Long An	8	2.9
9.	Phú Yên	7	2.5
10.	Ninh Thuận	7	2.5
11.	Bình Dương	6	2.2
12.	Bình Định	5	1.8
13.	Vũng Tàu	5	1.8
14.	Hà Nội	5	1.8
15.	Kon Tum	4	1.5
16.	Quảng Nam	4	1.5
17.	Đồng Nai	2	0.7
18.	Đà Nẵng	2	0.7
19.	Quảng Ngãi	2	0.7
20.	Huế	1	0.4
21.	Thanh Hóa	1	0.4
TỔNG		275	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu SV đã đi làm ở Đắk Lắk chiếm 35.6%; làm ở TP. Hồ Chí Minh chiếm 13.8%; làm ở Khánh Hòa chiếm 9.5%; một số cựu SV làm việc ở khu vực Tây Nguyên và các tỉnh khác.

7.2. Khoa Nông Lâm nghiệp

Khoa Nông Lâm nghiệp đào tạo 6 ngành là Lâm sinh, Quản lý Đất đai (ĐĐ), Quản lý Tài nguyên rừng (QLTNR), Khoa học Cây trồng (KHCT), Bảo vệ Thực vật (BVTV) và Công nghệ Sau thu hoạch (CN STH). Tình hình việc làm của cựu SV các ngành như sau:

Bảng 7.2.1: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Nông Lâm nghiệp

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	CN STH	7	6 85.7%	1 14.3%	4 66.7%	2 33.3%	5.9	6 100%
2	BVTV	49	38 77.6%	11 22.4%	28 73.7%	10 26.3%	6.3	38 100%
3	Lâm sinh	12	8 66.7%	4 33.3%	2 25.0%	6 75.0%	4.4	8 100%

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
4	QL TNR	3	2 66.7%	1 33.3%	0 0.0%	2 100%	4.5	2 100%
5	KHCT	35	21 60.0%	14 40.0%	18 85.7%	3 14.3%	5.8	21 100%
6	Quản lý ĐĐ	34	20 58.8%	14 41.2%	10 50.0%	10 50.0%	5.1	18 90%
TỔNG / TB		140	95 67.9%	45 32.1%	62 65.3%	33 34.7%	5.3	93 97.9%

Kết quả Bảng trên cho thấy: Ngành Công nghệ STH có số cựu SV đã đi làm cao nhất, đạt 85.7%; Ngành Bảo vệ Thực vật có số cựu SV đã đi làm là 77.6%; Ngành Lâm sinh có số cựu SV đi làm là 66.7%.

Trung bình các ngành có số cựu SV đã đi làm đạt 67.9%; làm đúng chuyên môn là 65.3%; thu nhập TB 5.3 triệu đồng/tháng. Số cựu SV hài lòng với khóa học là 97.9%.

Ghi chú: Ngành BVTV: Có 2.0% số cựu SV đang học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành Khoa Nông Lâm nghiệp như sau:

Bảng 7.2.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên Khoa Nông Lâm nghiệp

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	8	8.4
2	Tư nhân	75	78.9
3	Tự tạo việc làm	2	2.1
4	Có yếu tố nước ngoài	10	10.6
TỔNG		95	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 8.4%; Làm Tư nhân chiếm 78.9%; Số SV tự tạo việc làm là 2.1%; Số SV làm việc khu vực có yếu tố nước ngoài chiếm 10.6%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành Khoa Nông Lâm nghiệp như sau:

Bảng 7.2.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên Khoa Nông Lâm nghiệp

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	63	66.3
2.	Israel	7	7.4
3.	Gia Lai	6	6.3
4.	Đắk Nông	5	5.3
5.	Lâm Đồng	3	3.2
6.	Campuchia	3	3.2
7.	Hồ Chí Minh	2	2.1
8.	Bình Thuận	1	1.1
9.	Đồng Nai	1	1.1
10.	Đồng Tháp	1	1.1
11.	Lào Cai	1	1.1

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
12.	Quảng Ngãi	1	1.1
13.	Bình Dương	1	1.1
TỔNG		95	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu SV đã đi làm ở Đăk Lăk chiếm 66.3%; Một số cựu SV làm việc ở nước ngoài, các tỉnh khu vực Tây Nguyên và các tỉnh khác.

7.3. Khoa Kinh tế

Khoa Kinh tế đào tạo 6 chuyên ngành là Kinh tế Nông nghiệp, Kế toán, Kế toán-Kiểm toán, Quản trị Kinh doanh (QTKD), Quản trị Kinh doanh Thương mại (QTKDTM), Tài chính Ngân hàng (TCNH) và Kinh tế. Tình hình việc làm của cựu SV các ngành như sau:

Bảng 7.3.1: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Kinh tế

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	Kế toán	76	57 75.0%	19 25.0%	49 86.0%	8 14.0%	5.8	57 100%
2	TCNH	35	26 74.3%	9 25.7%	8 30.8%	18 69.2%	5.8	26 100%
3	QTKD TM	36	26 72.2%	10 27.8%	23 88.5%	3 11.5%	5.6	26 100%
4	Kinh tế NN	41	28 68.3%	13 31.7%	12 42.9%	16 57.1%	5.3	28 100%
5	Kinh tế	46	31 67.4%	15 32.6%	28 90.3%	3 9.7%	5.8	31 100%
6	QTKD	38	25 65.8%	13 34.2%	17 68.0%	8 32.0%	5.7	25 100%
TỔNG / TB		272	193 71.0%	79 29.0%	137 71.0%	56 29.0%	5.7	193 100%

Kết quả Bảng trên cho thấy:

Ngành Kế toán có số cựu SV đã đi làm cao nhất, đạt 75.0%; Ngành TCNH có số cựu SV đã đi làm là 74.3%; Ngành QT KDTM có số cựu SV đi làm là 72.2%.

Trung bình các ngành có số cựu SV đã đi làm là 71.0%; làm đúng chuyên môn là 71.0%; thu nhập TB 5.7 triệu đồng/tháng. Số cựu SV hài lòng với khóa học là 100%.

Ghi chú: Ngành Kế toán: Có 1.3% số cựu SV đang học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành Khoa Kinh tế như sau:

Bảng 7.3.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên Khoa Kinh tế

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	22	11.4
2	Tư nhân	159	82.4
3	Tự tạo việc làm	9	4.7
4	Có yếu tố nước ngoài	3	1.5
TỔNG		193	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 11.4%; Làm ở khu vực Tư nhân chiếm 82.4%; số cựu SV tự tạo việc làm là 4.7%; Số cựu SV làm việc có yếu tố nước ngoài chiếm 1.5%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành Khoa Kinh tế như sau:

Bảng 7.3.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên Khoa Kinh tế

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	143	74.1
2.	Hồ Chí Minh	27	14.0
3.	Bình Dương	9	4.7
4.	Đắk Nông	8	4.1
5.	Đồng Nai	2	1.0
6.	Bình Phước	1	0.5
7.	Vĩnh Phúc	1	0.5
8.	Khánh Hòa	1	0.5
9.	Nghệ An	1	0.5
TỔNG		193	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu SV đã đi làm ở Đắk Lắk chiếm 74.1%; làm ở TP. Hồ Chí Minh chiếm 14.0%; làm ở Bình Dương chiếm 4.7%; một số cựu SV làm việc ở các tỉnh khác.

7.4. Khoa Sư phạm

Khoa Sư phạm đào tạo 6 ngành là Sư phạm Ngữ văn, Văn học, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Tiểu học Tiếng Jrai (GDTH Jrai), Giáo dục Mầm non (GD Mầm non) và Giáo dục Thể chất (GDTC). Tình hình việc làm của cựu SV các ngành như sau:

Bảng 7.4.1: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Sư phạm

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	GD Tiểu học	28	24 85.7%	4 14.3%	23 95.8%	1 4.2%	5.5	24 100%
2	GD Mầm non	43	34 79.1%	9 20.9%	29 85.3%	5 14.7%	4.5	34 100%
3	SP Ngữ văn	18	13 72.2%	5 27.8%	9 69.2%	4 30.8%	5.1	12 92.3%
4	Văn học	17	12 70.6%	5 29.4%	5 41.7%	7 58.3%	4.2	12 100%
5	GDTH Jrai	26	18 69.2%	8 30.8%	14 77.8%	4 22.2%	4.8	17 94.4%
6	GDTC	7	4 57.1%	3 42.9%	1 25.0%	3 75.0%	5.8	4 100%
TỔNG / TB		139	105 75.5%	34 24.5%	81 77.1%	24 22.9%	5.0	103 98.1%

Kết quả Bảng trên cho thấy: Ngành GD Tiểu học có số cựu SV đã đi làm cao nhất, đạt 85.7%; Ngành GD Mầm non xếp thứ hai có số cựu SV đã đi làm là 79.1%; Ngành SP Ngữ văn có số cựu SV đã đi làm là 72.2%.

Trung bình các ngành có số cựu SV đã đi làm đạt 75.5%; làm đúng chuyên môn là 77.1%; thu nhập TB 5.0 triệu đồng/tháng. Số cựu SV hài lòng với khóa học là 98.1%.

Ghi chú: Ngành SP Văn: Có 5.6% số cựu SV đang học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành Khoa Sư phạm như sau:

Bảng 7.4.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên các ngành Khoa Sư phạm

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	23	21.9
2	Tư nhân	74	70.5
3	Tự tạo việc làm	8	7.6
4	Có yếu tố nước ngoài	0	0.0
TỔNG		105	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 21.9%; Làm khu vực Tư nhân chiếm 70.5%; Số cựu SV tự tạo việc làm là 7.6%; Số cựu SV làm việc khu vực có yếu tố nước ngoài là 0.0%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành Khoa Sư phạm như sau:

Bảng 7.4.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên các ngành Khoa Sư phạm

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	80	76.2
2.	Gia Lai	5	4.8
3.	Bình Dương	5	4.8
4.	Đắk Nông	4	3.8
5.	Kon Tum	3	2.9
6.	Hồ Chí Minh	3	2.9
7.	Đồng Nai	2	1.9
8.	Vũng Tàu	1	1.0
9.	Đà Nẵng	1	1.0
10.	Lâm Đồng	1	1.0
TỔNG		105	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở Đắk Lắk chiếm 76.2%; làm ở Gia Lai chiếm 4.8%; một số cựu SV đã làm việc ở các tỉnh khác.

7.5. Khoa Lý luận Chính trị

Khoa Lý luận Chính trị đào tạo 2 ngành là Giáo dục Chính trị và Triết học. Tình hình việc làm của cựu SV các ngành như sau:

Bảng 7.5.1: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Lý luận Chính trị

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	GD Chính trị	21	13 61.9%	8 38.1%	3 23.1%	10 76.9%	4.6	13 100%
2	Triết học	10	6 60.0%	4 40.0%	0 0.0%	6 100%	6.4	5 83.3%
TỔNG / TB		31	19 61.3%	12 38.7%	3 15.8%	16 84.2%	5.5	18 94.7%

Kết quả Bảng trên cho thấy:

Ngành GD Chính trị có số cựu SV đã đi làm đạt 61.9%; Ngành Triết học có số cựu SV đã đi làm là 60.0%; Trung bình các ngành có số cựu SV đã đi làm là 61.3%; làm đúng chuyên môn là 15.8%; thu nhập TB 5.5 triệu đồng/tháng. Số cựu SV hài lòng với khóa học là 94.7%.

Ghi chú: Ngành Triết học: Có 02 cựu SV đang làm trái ngành tại Đắk Lắk và TP. Hồ Chí Minh nhưng có thu nhập TB 35 triệu đồng/tháng.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành Khoa LLCT như sau:

Bảng 7.5.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên Khoa LLCT

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	5	26.3
2	Tư nhân	14	73.7
3	Tự tạo việc làm	0	0.0
4	Có yếu tố nước ngoài	0	0.0
TỔNG		19	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 26.3%; Làm khu vực Tư nhân chiếm 73.7%; Số cựu SV tự tạo việc làm và làm việc khu vực có yếu tố nước ngoài là 0.0%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành Khoa LLCT như sau:

Bảng 7.5.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên Khoa LLCT

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	13	68.4
2.	Hồ Chí Minh	2	10.4
3.	Đắk Nông	1	5.3
4.	Lâm Đồng	1	5.3

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
5.	Bình Dương	1	5.3
6.	Hà Tĩnh	1	5.3
TỔNG		19	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở Đắk Lắk chiếm 68.4%; làm ở TP Hồ Chí Minh chiếm 10.4%; một số cựu SV làm việc ở khu vực Tây Nguyên và các tỉnh khác.

7.6. Khoa Ngoại ngữ

Khoa Ngoại ngữ đào tạo 2 ngành là Sư phạm Tiếng Anh (SP Anh) và Ngôn ngữ Anh (NN Anh). Tình hình việc làm của cựu SV các ngành như sau:

Bảng 7.6.1: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Ngoại ngữ

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	SP Anh	35	28 80.0%	7 20.0%	25 89.3%	3 10.7%	6.1	28 100%
2	Ngôn ngữ Anh	36	26 72.2%	10 27.8%	22 84.6%	4 15.4%	5.3	26 100%
TỔNG / TB		71	54 76.1%	17 23.9%	47 87.0%	7 13.0%	5.7	54 100%

Kết quả Bảng trên cho thấy:

Ngành SP tiếng Anh có số cựu SV đã đi làm đạt 80.0%; Ngành Ngôn ngữ Anh có số cựu SV đã đi làm là 72.2%; Trung bình các ngành có số cựu SV đã đi làm đạt 76.1%; làm đúng chuyên môn là 87.0%; thu nhập TB 5.7 triệu đồng/tháng. Số cựu SV hài lòng với khóa học là 100%.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành Khoa Ngoại ngữ như sau:

Bảng 7.6.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên Khoa Ngoại ngữ

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	4	7.4
2	Tư nhân	47	87.0
3	Tự tạo việc làm	3	5.6
4	Có yếu tố nước ngoài	0	0.0
TỔNG		54	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 7.4%; Làm khu vực Tư nhân chiếm 87.0%; Số cựu SV tự tạo việc làm là 5.6%; Số cựu SV làm việc khu vực có yếu tố nước ngoài là 0.0%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành Khoa Ngoại ngữ như sau:

Bảng 7.6.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên Khoa Ngoại ngữ

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	48	88.9
2.	Hồ Chí Minh	3	5.6
3.	Đắk Nông	2	3.7
4.	Bình Phước	1	1.8
TỔNG		54	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở Đắk Lắk chiếm 88.9%; một số cựu SV làm việc ở TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh khác.

7.7. Khoa Chăn nuôi Thú y

Khoa Chăn nuôi Thú y đào tạo 2 ngành là ngành Chăn nuôi 4 năm và ngành Thú y 5 năm. Tình hình việc làm của cựu SV các ngành như sau:

Bảng 7.7.1: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa Chăn nuôi TY

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	Thú y	61	52 85.2%	9 14.8%	51 98.1%	1 1.9%	6.4	51 98.1%
2	Chăn nuôi	38	32 84.2%	6 15.8%	31 96.9%	1 3.1%	5.8	32 100%
TỔNG / TB		99	84 84.8%	15 15.2%	82 97.6%	2 2.4%	6.1	83 98.8%

Kết quả Bảng trên cho thấy: Ngành Thú y có số cựu SV đã đi làm đạt 85.2%; Ngành Chăn nuôi có số cựu SV đã đi làm là 84.2%; Trung bình các ngành số cựu SV đã đi làm là 84.8%; làm đúng chuyên môn là 97.6%; thu nhập TB 6.1 triệu đồng/tháng. Số cựu SV hài lòng với khóa học là 98.8.

Ghi chú: Ngành Thú y: Có 3.3% số cựu SV đang học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành Khoa CNTY như sau:

Bảng 7.7.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên các ngành Khoa CNTY

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	6	7.1
2	Tư nhân	73	86.9
3	Tự tạo việc làm	1	1.2
4	Có yếu tố nước ngoài	4	4.8
TỔNG		84	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 7.1%; Làm khu vực Tư nhân chiếm 86.9%; Số cựu SV tự tạo việc làm là 1.2%; Số cựu SV làm việc khu vực có yếu tố nước ngoài là 4.8%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành Khoa CNTY như sau:

Bảng 7.7.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên các ngành Khoa CNTY

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	52	61.9
2.	Hồ Chí Minh	10	11.9
3.	Đắk Nông	4	4.8
4.	Israel	4	4.8
5.	Lâm Đồng	2	2.4
6.	Đồng Nai	2	2.4
7.	Bình Phước	2	2.4
8.	Bình Định	2	2.4
9.	Khánh Hòa	2	2.4
10.	Hà Nội	2	2.4
11.	Bình Dương	1	1.2
12.	Kon Tum	1	1.2
TỔNG		84	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở Đắk Lắk chiếm 61.9%; làm ở TP. Hồ Chí Minh chiếm 11.9%; một số cựu SV làm việc ở nước ngoài và các tỉnh khác.

7.8. Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ

Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ đào tạo 8 ngành là Sư phạm (SP) Toán học, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, Sinh học, Công nghệ Sinh học, Công nghệ Kỹ thuật Môi trường (CNKTM) và Công nghệ Thông tin. Tình hình việc làm của cựu SV các ngành như sau:

Bảng 7.8.1: Tình hình việc làm của cựu SV các ngành Khoa KHTN-CN

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
1	SP Toán	32	26 81.3%	6 18.8%	24 92.3%	2 7.7%	6.5	26 100%
2	SP Vật lý	17	13 76.5%	4 23.5%	11 84.6%	2 15.4%	4.3	13 100%
3	CN KTM	21	15 71.4%	6 28.6%	4 26.7%	11 73.3%	4.9	15 100%
4	C nghệ Sinh học	17	12 70.6%	5 29.4%	5 41.7%	7 58.3%	5.0	12 100%
5	SP Sinh học	10	7 70%	3 30%	7 100%	0 0.0%	6.1	7 100%
6	C nghệ Th tin	26	18 69.2%	8 30.8%	14 77.8%	4 22.2%	5.3	17 94.4%
7	Sinh học	6	4 66.7%	2 33.3%	2 50.0%	2 50.0%	4.8	4 100%

STT	Ngành	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng CM	Thu nhập TB (triệu đ/tháng)	Hài lòng với khóa học
8	SP Hóa học	23	15 65.2%	8 34.8%	12 80.0%	3 20.0%	6.7	15 100%
TỔNG / TB		152	110 72.4%	42 27.6%	79 71.8%	31 28.2%	5.5	109 99.1%

Kết quả Bảng trên cho thấy: Ngành SP Toán có số cựu SV đã đi làm cao nhất, đạt 81.3%; Ngành SP Vật lý xếp thứ hai có số cựu SV đã đi làm là 76.5%; Ngành CN KTMT có số cựu SV đi làm là 71.4%.

Trung bình các ngành có số cựu SV đã đi làm đạt 72.4%; làm đúng chuyên môn là 71.8%; thu nhập TB 5.5 triệu đồng/tháng. Số cựu SV hài lòng với khóa học là 99.1%.

Ghi chú: Ngành SP Toán: Có 31.3% số cựu SV đang học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Ngành SP Vật lý: Có 29.4% số cựu SV đang học tiếp; Ngành SP Sinh học: Có 10.0% số cựu SV đang học tiếp; Ngành Công nghệ Sinh học: Có 5.9% số cựu SV đang học tiếp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Khu vực làm việc của cựu sinh viên

Khu vực làm việc của cựu SV các ngành Khoa KHTN-CN như sau:

Bảng 7.8.2: Khu vực làm việc của cựu sinh viên các ngành Khoa KHTN-CN

STT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	20	18.2
2	Tư nhân	83	75.5
3	Tự tạo việc làm	6	5.5
4	Có yếu tố nước ngoài	1	0.8
TỔNG		110	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở khu vực Nhà nước chiếm 18.2%; Làm khu vực Tư nhân chiếm 75.5%; Số cựu SV tự tạo việc làm là 5.5%; Số cựu SV làm việc khu vực có yếu tố nước ngoài là 0.8%.

- Nơi làm việc của cựu sinh viên

Nơi làm việc của cựu SV các ngành Khoa KHTN-CN như sau:

Bảng 7.8.3: Nơi làm việc của cựu sinh viên các ngành Khoa KHTN-CN

STT	Nơi làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Đắk Lắk	92	83.6
2.	Đắk Nông	5	4.5
3.	Hồ Chí Minh	4	3.6
4.	Lâm Đồng	2	1.8
5.	Quảng Ngãi	1	0.9
6.	Nhật	1	0.9
7.	Gia Lai	1	0.9
8.	Khánh Hòa	1	0.9
9.	Bình Phước	1	0.9
10.	Hà Nội	1	0.9
11.	Bình Dương	1	0.9
TỔNG		110	100.0

Kết quả Bảng trên cho thấy: Số cựu sinh viên đã đi làm ở Đắk Lắk chiếm 83.6%; làm ở Đắk Nông chiếm 4.5%; một số cựu SV làm việc ở TP. Hồ Chí Minh và nơi khác.

8. Nhận xét chung

Trường rất quan tâm đến tình hình việc làm của cựu sinh viên sau tốt nghiệp. Công tác khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên nhằm biết được hiện trạng việc làm và chất lượng do Trường đào tạo, góp phần cung cấp các sản phẩm giáo dục đáp ứng nhu cầu xã hội.

Những thông tin do các cựu sinh viên cung cấp sẽ góp phần rất lớn vào việc đánh giá thực trạng tình hình việc làm của họ sau tốt nghiệp, cũng như tính phù hợp của chương trình giáo dục đại học với thực tiễn. Qua đây, Nhà trường có thêm những căn cứ khoa học để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, đầu tư CSCV, cập nhật kiến thức,... nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của người học và thực tế.

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên là cơ sở dữ liệu quan trọng để Trường có số liệu báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý chất lượng, báo cáo công tác tuyển sinh, công khai điều kiện ĐBCL, có minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá/đánh giá ngoài cấp CSGD và CTĐT.

Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp là một hoạt động thường xuyên bắt buộc hàng năm, kết quả thu được rất có ý nghĩa đối với hoạt động đào tạo, uy tín và thương hiệu của Trường.

9. Đề xuất, kiến nghị

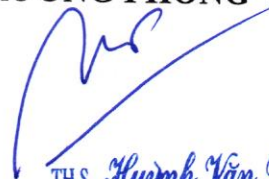
Trường cần xem xét mở rộng quy mô đào tạo những ngành có số sinh viên sau tốt nghiệp đã có việc làm đạt tỷ lệ cao; một số ngành có tỷ lệ việc làm thấp, làm không đúng chuyên ngành cần điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội.

Giảng viên ở các đơn vị đào tạo, viên chức các phòng chức năng cần nâng cao tinh thần trách nhiệm để phục vụ người học tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra, phù hợp với yêu cầu của Nhà sử dụng lao động, nâng cao vị thế và uy tín của Trường.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (Để báo cáo);
- Các đơn vị (Để biết);
- Đăng Website của Trường;
- Lưu: QLCL.

TRƯỜNG PHÒNG


TH.S. Huỳnh Văn Quốc